

KINH TẾ NHẬT BẢN: MỘT THẬP NIÊN NHÌN LẠI

TRẦN QUANG MINH*

Sau “thập kỷ mất mát”, Nhật Bản bước vào Thiên niên kỷ mới với tình hình cũng không mấy sáng sủa khi tăng trưởng kinh tế vẫn rất ỉ ạch. Trong một thập kỷ qua nền kinh tế Nhật Bản đã trải qua 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (2001 - Quý III/2007): kinh tế phục hồi và tăng trưởng với tốc độ vừa phải;
- Giai đoạn 2 (Quý IV/2007 - Quý I/2009): suy thoái nghiêm trọng do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu;
- Giai đoạn 3 (Quý II/2009 đến nay): phục hồi và bắt đầu có sự tăng trưởng, song không ổn định.

1. Giai đoạn phục hồi và tăng trưởng với tốc độ vừa phải

Bước sang thập niên đầu tiên của thế kỷ 21, nền kinh tế Nhật Bản vẫn còn trong tình trạng suy thoái kéo dài từ sau thời kỳ kinh tế bong bóng và cuộc khủng hoảng tài chính khu vực 1997-1998. Những khó khăn chủ yếu là nợ khó đòi và khủng hoảng về mô hình phát triển. Sau khi nắm quyền điều hành Nội các vào cuối năm 2001, Thủ tướng Koizumi đã tiến hành giải quyết từng bước các khoản nợ khó đòi bằng các biện pháp như: xoá nợ, sáp nhập các ngân hàng và các tổ chức tài chính làm ăn thua lỗ; đồng thời thực hiện chủ trương cải cách cơ cấu một cách táo bạo với 7 chương trình cơ bản:

(1) Đẩy mạnh quá trình tư nhân hoá, giảm sự can thiệp của Nhà nước vào kinh tế, tấn công mạnh mẽ vào tam giác quyền lực: chính trị gia - quan chức - giới chủ. Đặc biệt là chủ trương tư nhân hóa tiết kiệm bưu điện và giám chi tiêu công.

- (2) Khuyến khích đầu tư tư nhân;
- (3) Tăng bảo hiểm và phúc lợi xã hội;
- (4) Phát triển nguồn nhân lực;
- (5) Cải thiện điều kiện sống và làm việc cho mọi người;

* TS. Viện nghiên cứu Đông Bắc Á.

(6) Tăng cường sự tự chủ của chính quyền địa phương;

(7) Cải cách hành chính nhằm tạo ra một bộ máy chính phủ đơn giản và hiệu quả.

Liên quan đến các chương trình cải cách này, Chính phủ Nhật Bản đã ban hành và thực hiện hàng loạt các biện pháp nhằm tái cơ cấu nền kinh tế, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng trì trệ và bế tắc. Các giải pháp mang tính ngắn hạn như điều chỉnh tài khoá, cải cách hệ thống thuế, cân đối thu chi, giảm thâm hụt ngân sách và dư nợ của chính phủ/GDP. Đồng thời, Chính phủ cũng đưa ra chủ trương tư nhân hoá hệ thống tiết kiệm bưu điện công, tăng cường tính hiệu quả của các tổ chức và các doanh nghiệp công kết hợp với việc thực hiện các định hướng kinh tế vĩ mô khác.

Về chính sách tiền tệ: Ngân hàng Trung ương Nhật Bản đã có những điều chỉnh trong chính sách tiền tệ nhằm giải quyết các khoản nợ xấu, hiện đại hoá và sắp xếp lại hệ thống ngân hàng theo quy chuẩn quốc tế, đánh giá những tác động của chính sách tiền tệ trong việc kích thích đầu tư và phân bổ các nguồn vốn tài chính đảm bảo cho sự phục hồi và tăng trưởng của nền kinh tế. Đồng thời thực hiện điều chỉnh chính sách tiền tệ với định hướng tăng cường tính thị trường, tính hiệu quả của hệ thống tài chính cũng như tăng cường xu hướng chứng khoán hoá và sự tương tác giữa thị trường tiền tệ và thị trường vốn của Nhật Bản.

Về điều chỉnh cơ cấu kinh tế: Chính phủ Nhật Bản đã đẩy mạnh cải cách khu vực công, tăng cường hơn nữa vai trò của khu vực tư nhân trong các lĩnh vực phúc lợi xã hội, hình thành các đặc khu dành cho cải cách cơ cấu; Tăng cường vai trò, chức năng của thị trường lao động, đa dạng hoá các loại hình và các hợp đồng lao động, thu hút nguồn lao động không thường xuyên, hạn chế phân khúc thị trường, tăng cường tính năng động trong việc chuyển đổi nghề nghiệp trong các khu vực khác nhau của nền kinh tế.

Nhờ các chính sách cải cách cơ cấu này, kinh tế Nhật Bản tăng trưởng trở lại trong giai đoạn 2002-2007, chấm dứt 15 năm suy thoái và trì trệ. Kinh tế khởi sắc kéo dài kỷ lục liên tục 69 tháng kể từ tháng 2 năm 2002 cho tới tháng 10 năm 2007, vượt qua con số 57 tháng của thời kì tăng trưởng cao những năm cuối thập kỉ 60 của thế kỷ 19. Tuy vậy trong khoảng thời gian này, tăng trưởng GDP chỉ duy trì ở mức 1,5%-2% so với mức 10% thực tế đạt được trong suốt thời kì tăng trưởng cao trước đây.

2. Giai đoạn suy thoái nghiêm trọng do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu

Sau khi Thủ tướng Koizumi hết nhiệm kỳ, kinh tế Nhật Bản lại rơi vào trì trệ. Các chương trình cải cách của ông bị bỏ dở, trong đó có Chương trình tư nhân hoá ngành bưu điện. Những khó khăn kinh tế ngày càng chồng chất kể từ cuối năm 2007: *Lạm phát, phá sản và thất nghiệp hàng loạt*.

Tỷ lệ lạm phát cơ bản của Nhật Bản đã tăng lên mức cao kỷ lục mới là 1,2% trong tháng 3/2008 trong bối cảnh giá năng lượng và thực phẩm leo thang. Đây là mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 3/1998. Năm tài khóa 2007-2008 (kết thúc ngày 31/3/2008), Nhật Bản có 11.333 công ty phá sản, tăng 18,4% so với năm tài khóa trước, mức cao nhất kể từ năm tài khóa 2000-2001. Nguyên nhân trực tiếp dẫn tới tình trạng này là giá nguyên liệu và năng lượng tăng, đồng Yên cao và việc chính phủ Nhật Bản sửa đổi luật tiêu chuẩn xây dựng đã khiến lĩnh vực này bị đóng băng.

Khi các công ty liên tục phá sản, nhiều người đã bị đẩy vào tình cảnh thất nghiệp, thu nhập giảm sút, chất lượng cuộc sống của người lao động đi xuống liên tục. Đi kèm với nó là những hậu quả về giáo dục và văn hóa khi đời sống ngày một khó khăn.

Tuy nhiên, có một nghịch lý là mặc dù tỷ lệ thất nghiệp gia tăng, song lại có tình trạng thiếu hụt lao động có kỹ năng, đặc biệt là trong các ngành kỹ thuật và công nghệ. Số lượng những người trẻ tuổi chọn làm trong các lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ ở Nhật Bản ngày càng giảm đi. Sự sụt giảm về nhân công ngành kỹ thuật và công nghệ diễn ra nhanh đến mức các công ty thuộc ngành này đã phải tiến hành những chiến dịch quảng cáo để người trẻ có ấn tượng tốt hơn về các ngành này. Nhiều công ty đã phải nhập khẩu nhân công từ nước ngoài hoặc chuyển công việc sản xuất nghiên cứu sang các nước khác trong khu vực.

Trước đây, từ đống đổ nát sau Chiến tranh thế giới thứ hai, sự hùng mạnh về kỹ thuật và công nghệ đã đưa Nhật Bản lên vị thế ngày nay. Tuy nhiên, người trẻ Nhật Bản ngày càng cư xử giống như giới trẻ Mỹ: họ thường có xu hướng chọn những lĩnh vực được trả lương cao và hấp dẫn hơn như tài chính hay Y khoa chẳng hạn. Một xu hướng chọn nghề khác là những nghề thuần túy sáng tạo như nghệ thuật. Họ không còn muốn đi theo hướng cha ông họ đã đi là học hành và làm việc hết mình trong các ngành sản xuất hiện đã trở nên kém hấp dẫn.

Theo tính toán, ngành công nghệ của Nhật Bản đang thiếu khoảng 1 triệu kỹ sư. Các công ty tuyển dụng tại Nhật đã phải hết sức nỗ lực để tìm kiếm nguồn nhân lực cho các ngành công nghệ và kỹ thuật.

Với tỷ lệ sinh con thấp nhất thế giới và chiếm “kỷ lục” về số người già, Nhật Bản đang đứng trước bờ vực khủng hoảng nghiêm trọng nguồn nhân lực. Một nguyên nhân khác gây thiếu nhân lực ở Nhật Bản là lực lượng lao động nữ và người già chưa được mở rộng. Nếu tình trạng trên không có biến chuyển tốt trong thời gian tới, lực lượng lao động của Nhật Bản đến năm 2050 có thể giảm xuống còn 42,28 triệu người. Theo một giáo sư kinh tế học tại Đại học Keio - Nhật Bản, nước này hiện đang ngồi trên một quả bom hẹn giờ về nhân khẩu học. Ai cũng biết là quả bom này sắp nổ, nhưng không ai làm gì để ngăn điều đó xảy ra. Điều này đe dọa làm giảm tính cạnh tranh của nền kinh tế Nhật Bản. Gần đây, Nhật bắt đầu tuyển dụng nhiều kỹ sư và lao động nước ngoài, nhưng số lượng nhân công này không thể đủ để bù đắp cho số lượng nhân công đang thiếu. Song, vấn đề này cũng gặp phải khó khăn do bất đồng về ngôn ngữ và văn hóa doanh nghiệp của Nhật Bản. Nhiều kỹ sư nước ngoài từ chối đến nước này ngay cả khi họ đã được tuyển dụng.

Cùng với lạm phát và thất nghiệp là tình trạng giá nguyên liệu không ổn định gây khó khăn cho các ngành sản xuất. Giá nguyên liệu leo thang đã buộc các doanh nghiệp Nhật Bản phải có sự điều chỉnh mạnh mẽ cơ cấu giá thành sản xuất. Theo công bố của các doanh nghiệp tại thị trường chứng khoán Tokyo ngày 15/5/2008, doanh thu trong tài khoá 2008 đã giảm mạnh và doanh thu trong tài khoá tiếp theo cũng đã phải điều chỉnh lại. Hai nhóm ngành buộc phải điều chỉnh mức doanh thu là chế tạo và thực phẩm. Các doanh nghiệp chế tạo ô tô và đồ điện gia dụng cũng chịu sức ép giá thép nguyên liệu tăng cao khiến chi phí đầu tư phục vụ sản xuất tăng theo. Trong khi đó, giá bán sản phẩm lại không được phép tăng tương ứng bởi sự cạnh tranh của các nhà sản xuất khác. Trước sự phản ứng quyết liệt của người tiêu dùng, các doanh nghiệp kinh doanh thực phẩm từng tăng giá trước đó cũng không dám điều chỉnh giá.

Ủy ban công nghiệp sản xuất ô tô Nhật Bản cho biết ảnh hưởng của giá thép tăng khiến các doanh nghiệp chế tạo ô tô Nhật Bản phải điều chỉnh giá. Tuy nhiên, cho đến thời điểm đầu năm 2008, những điều chỉnh lớn chưa xảy ra mà cách làm chủ yếu của các doanh nghiệp là điều chỉnh lại mức dự báo quyết toán theo kiểu “thất lưng buộc bụng”, hy sinh các khoản lợi nhuận.

Vốn đang suy yếu lại chịu thêm sự tác động nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu (2008-2009), nền kinh tế Nhật Bản đã rơi vào tình trạng xấu nhất chưa từng thấy kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Tất cả các chỉ số kinh tế cơ bản đều ở mức thấp nhất trong vòng nhiều năm hoặc nhiều thập kỷ như: sản xuất và xuất khẩu, phá sản, thất nghiệp, thị trường chứng khoán, giảm phát, đồng Yên tăng giá...

Những tác động dễ thấy nhất của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đối với nền kinh tế Nhật Bản (cũng như đối với các nền kinh tế khác) là sự suy giảm tốc độ tăng trưởng GDP, tình trạng phá sản của các công ty và nạn thất nghiệp gia tăng, giá cả thị trường bất ổn định.

Nền kinh tế Nhật Bản đã suy giảm mạnh kể từ quý IV năm 2008, và đặc biệt nghiêm trọng trong quý I/2009. Các số liệu được Văn phòng Nội các Nhật Bản công bố ngày 20/5/2009 cho thấy GDP của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới này trong quý I đã giảm 4% so với quý trước và giảm tới 15,2% so với cùng kỳ năm 2008. Nguyên nhân chính là do nhu cầu đối với các mặt hàng ô tô, điện tử và nhiều mặt hàng khác của Nhật Bản giảm mạnh trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy thoái. Tính chung trong năm tài chính 2008 (tính đến hết tháng 3/2009), theo số liệu công bố chính thức, GDP của Nhật Bản đã lần đầu tiên trong vòng 7 năm giảm ở mức kỷ lục -3,5%.

Cũng theo thống kê của Bộ Tài chính Nhật Bản, trong năm tài chính 2008 lần đầu tiên sau 28 năm (kể từ năm 1980 - ngay sau thời kỳ khủng hoảng dầu lửa lần 2), cán cân ngoại thương Nhật Bản đã bị thâm hụt, tới 725,3 tỷ Yên. Trong suốt các năm từ 2002 đến 2007, thặng dư ngoại thương của Nhật Bản luôn đạt mức trên dưới 10 nghìn tỷ Yên. Như vậy, có thể nói, ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã làm cho cán cân ngoại thương Nhật Bản từ chỗ có mức thặng dư khổng lồ trở thành thâm hụt chỉ trong một khoảng thời gian rất ngắn.

Để đối phó với những thách thức của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, Chính phủ Nhật Bản đã 4 lần tung ra các gói kích thích kinh tế với tổng giá trị lên tới hơn 300 tỷ USD. Ngân hàng Trung ương Nhật đã hạ lãi suất cơ bản đồng Yên xuống tới mức thấp kỷ lục 0,1%, đồng thời tiến hành mua thương phiếu và trái phiếu doanh nghiệp, cung cấp nguồn tiền với lãi suất thấp cho các ngân hàng thương mại... Nhờ những nỗ lực đó, nền kinh tế Nhật Bản kể từ nửa sau của năm 2009 đã có những tín hiệu lạc quan.

3. Giai đoạn phục hồi, song, không bền vững

Với những nỗ lực chống khủng hoảng nhằm phục hồi kinh tế, kể từ tháng 4/2009 kinh tế Nhật Bản bắt đầu dừng suy giảm; sản xuất và xuất khẩu dần dần tăng trở lại. Tuy nhiên, những nhân tố cho sự tăng trưởng bền vững vẫn còn manh nha. Những khó khăn và thách thức vẫn rất nghiêm trọng.

Nhân tố chính giúp cho nền kinh tế Nhật Bản không tiếp tục đi xuống là sự phục hồi của sản xuất và xuất khẩu, đặc biệt là trong các ngành ô tô và điện máy:

- Sản xuất và xuất khẩu ô tô của Nhật Bản kể từ cuối năm 2009 đã cho thấy một xu hướng phục hồi rất rõ nét nhờ những kết quả đạt được trong việc giải toả hàng tồn kho, đặc biệt là hàng tồn kho ở nước ngoài.

- Các đơn đặt hàng của nước ngoài đối với linh kiện và phụ tùng điện máy Nhật Bản cũng tăng mạnh cùng với việc giải toả hàng tồn kho cả ở trong nước lẫn nước ngoài và sự phục hồi nhu cầu của Trung Quốc - một thị trường lớn đối với các mặt hàng điện máy của Nhật Bản, đã thúc đẩy sự phục hồi của ngành điện máy, đặc biệt là đối với các linh kiện sử dụng cho tivi màn hình phẳng, điện thoại di động và máy vi tính. Sản xuất tăng không chỉ đối với các linh kiện điện tử mà còn đối với cả các sản phẩm hoàn chỉnh, đặc biệt là tivi màn hình phẳng.

- Đầu tư công cộng cũng tăng đáng kể do việc thực hiện các gói kích thích kinh tế của Chính phủ, đặc biệt là gói kích thích kinh tế được thông qua hồi cuối tháng 5/2009 với trị giá gần 144 tỷ USD. Đây là gói kích thích kinh tế thứ 4 kể từ tháng 8/2008 và cũng có giá trị lớn nhất từ trước đến nay trong lịch sử kinh tế Nhật Bản. Chính phủ Nhật Bản đã thể hiện quyết tâm cao nhất nhằm khắc phục suy thoái kinh tế. Gói kích thích kinh tế lần này được dùng vào việc cắt giảm thuế, tăng chi tiêu công, hỗ trợ thất nghiệp, và thúc đẩy tiêu thụ xe ô tô và hàng điện tử. Nhờ vậy, giá trị của các hợp đồng đầu tư công cộng đã tăng hơn 10% trong tháng 6/2009 so với cùng kỳ năm trước.

Các nhân tố chính đóng góp vào sự tăng trưởng này là các gói kích thích kinh tế của Chính phủ và sự phục hồi nhu cầu nhập khẩu của các nước bạn hàng của Nhật Bản, đặc biệt là Trung Quốc.

Trong giai đoạn từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009, Chính phủ Nhật Bản đã chi 3.830 tỷ Yên (gần 40,8 tỷ USD) để hỗ trợ các doanh nghiệp

bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu thông qua các khoản cho vay khẩn cấp cũng như các kế hoạch mua trái phiếu doanh nghiệp. Các gói kích thích kinh tế của Chính phủ còn tập trung vào việc tăng chi tiêu công và khuyến khích tiêu dùng cá nhân, đặc biệt là khuyến khích mua ô tô tiết kiệm nhiên liệu và đồ dùng gia đình.

Tuy nhiên, cho dù nền kinh tế Nhật Bản đã có những tín hiệu hết sức khả quan, chúng ta cần nhìn nhận vấn đề này một cách thận trọng. Bởi vì những nhân tố giúp cho nền kinh tế Nhật Bản tăng trưởng vừa qua đều là những nhân tố không bền vững. Đó là sự phục hồi của xuất khẩu và các gói kích thích kinh tế của Chính phủ Nhật Bản. Hơn nữa, bản thân sự phục hồi của xuất khẩu của Nhật Bản cũng là nhờ vào sự tăng nhu cầu tiêu dùng của nước ngoài, mà phần lớn sự tăng nhu cầu của nước ngoài này cũng lại là do tác động của các gói kích thích kinh tế của Chính phủ các nước. Một khi các gói kích thích kinh tế này hết khả năng phát huy tác dụng, thì động lực cho sự tăng trưởng nhất thời này sẽ không còn nữa. Trong khi đó, những nhân tố cơ bản của sự tăng trưởng bền vững là sự phục hồi của sản xuất trong nước và sự gia tăng đầu tư của khu vực tư nhân vẫn rất hạn chế. Thêm vào đó, nền kinh tế Nhật Bản vẫn đang phải đối mặt với khá nhiều khó khăn thách thức. Đó là tình trạng thất nghiệp, giảm phát, và suy giảm nhu cầu trong nước.

Tóm lại, nền kinh tế Nhật Bản trong thập niên đầu thế kỷ 21 đã chịu ảnh hưởng rất nhiều của sự suy thoái kinh tế trong nước những năm 1990 và khủng hoảng tài chính châu Á 1997-1998. Ưu tiên cao nhất của Nhật Bản những năm đầu của thế kỷ 21 là giải quyết các khoản nợ xấu và đưa nền kinh tế trở lại quỹ đạo tăng trưởng tốt và bền vững. Những cải cách kinh tế của Thủ tướng Koizumi đã phát huy tác dụng. Trong giai đoạn này kinh tế Nhật Bản đã thoát khỏi suy thoái và có mức tăng trưởng dương mặc dù mức độ còn khiêm tốn. Tuy nhiên, sau khi Thủ tướng Koizumi kết thúc nhiệm kỳ vào năm 2006, nền kinh tế Nhật Bản lại rơi vào suy thoái và mức độ suy thoái đặc biệt nghiêm trọng trong những năm 2008-2009 do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Nhờ những giải pháp khắc phục khủng hoảng của Chính phủ Nhật Bản, nền kinh tế Nhật Bản từ quý II năm 2009 đến nay đã ra khỏi tình trạng suy thoái và bước đầu có những phát triển khả quan. Tuy nhiên, những nhân tố cho sự phục hồi này vẫn là những nhân tố không bền vững với rất nhiều thách thức đáng kể vẫn còn hiện hữu. Đó là tình trạng giảm phát, cầu yếu,

thất nghiệp, và tỉ lệ nợ công cao. Từ đó có thể dự báo nền kinh tế Nhật Bản trong những năm sắp tới chưa thể có đột phá gì. Mặc dù vẫn có tăng trưởng, song với tốc độ không cao và không bền vững.

Tài liệu tham khảo

1. Accounting Standards Board of Japan (ASBJ) (2008a), *Deliberations Regarding Measurement of Fair Value and Reclassification of Debt Securities*, 28 October.
2. Accounting Standards Board of Japan (ASBJ) (2008b), *Tentative Solution on Reclassification of Debt Securities*, PITF No. 26.
3. Bank of Japan (2009), “*Financial Statements of Japanese Banks for Fiscal Year 2008*”, Bank of Japan Review, 2009-E-5.
4. Bank of Japan, *Monthly Report of Recent Economic and Financial Developments*, nhiều số trong các năm 2008, 2009, 2010.
5. Takatoshi Ito, Hugh Patric, David E. Weinstein. 2005. *Reviving Japan's Economy: Problems and Prescription*. Massachusetts Institute of Technology, USA.
6. Takeo Hoshi and Anil K Kashyap, 2004. *Japan's Economic and Financial Crisis: An Overview*. The Journal of Economic Perspectives, Winter.